

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2017/HNGĐ-PT.

Ngày: 28 - 8 - 2017.

V/v: T/c “Ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài Thanh.

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Thái Sơn và ông Võ Công Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thảo - Thư ký TAND tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 17/2017/DSPT ngày 26 tháng 7 năm 2017 về tranh chấp “ Ly hôn, nuôi con chung” do bản án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm số 04/2017/HNGĐ-ST ngày 17/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định bị kháng cáo:

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 142/2017/QĐPT ngày 04 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T.H – sinh năm 1972 (có mặt).

Trú tại: Tổ x, thị trấn P, huyện T, Bình Định.

2. *Bị đơn:* Anh Trần M.Đ – sinh năm 1966 (có mặt).

Trú tại: Số Y, đường V, thị trấn P, huyện T, Bình Định.

Người kháng cáo: Bị đơn anh Trần M.Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T.H trình bày: Chị và anh Trần M.Đ quen biết nhau do mai mối, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 1993, đăng ký kết hôn vào ngày 13/11/2015 tại UBND thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Định. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra tranh cãi, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Tháng 11/2015 chị đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Đ, sau đó rút đơn nhưng vợ chồng không hàn gắn được tình cảm. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu Tòa được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trần N.M.T, sinh ngày 29/10/1993 và Trần M.Q, sinh ngày 21/7/2005. Cháu Trần N.M.T đã trưởng thành chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi cháu Trần M.Q đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và trong quá trình xét xử, bị đơn anh Trần M.Đ trình bày: Về hôn nhân: Anh thống nhất như lời trình bày của chị Nguyễn Thị T.H về thời gian, điều kiện kết hôn. Theo anh thì vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tết âm lịch năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh nghi ngờ chị H có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác. Anh đã cố gắng tạo mọi điều kiện để vợ chồng cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, chăm lo nuôi dạy các con, nhưng vợ đã chồng sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Trước đây, chị H có làm đơn yêu cầu ly hôn vào tháng 11/2015 nhưng sau đó đã rút đơn. Nay chị H yêu cầu ly hôn anh không đồng ý và yêu cầu được đoàn tụ. Anh chỉ đồng ý ly hôn với điều kiện chị Hồng phải để lại phần tài sản chị đã được chia là căn nhà và đất tọa lạc tại Tổ X, thị trấn P, huyện T cho con trai là Trần N.M.T cùng đứng tên sở hữu, sử dụng.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trần N.M.T, sinh ngày 29/10/1993 và Trần M.Q, sinh ngày 21/7/2005. Cháu T đã trưởng thành nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi cháu Trần M.Q đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 04/2017/HNGĐ ngày 17/5/2017 của Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định đã quyết định:

Căn cứ các Điều 147, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các điều 8, 9, 56, 58, 71, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T.H.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T.H được ly hôn với anh Trần M.Đ.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trần N.M.T, sinh ngày 29/10/1993 và Trần M.Q, sinh ngày 21/7/2005. Con chung Trần N.M.T đã trưởng thành, chị H và anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Khi ly hôn giao con chung Trần M.Q cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành, anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu.

Anh Đa được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con, khi cần thiết cả hai bên đều có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nghĩa vụ chấp hành bản án và thông báo quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 29/5/2017, bị đơn anh Trần M.Đ kháng cáo không đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị T.H; yêu cầu được nuôi con chung và chia tài sản chung; yêu cầu hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị đơn anh Trần M.Đ thay đổi kháng cáo không đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị T.H; yêu cầu được nuôi con chung và chia tài sản chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu đề nghị: Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 04/2017/HNGĐ ngày 17/5/2017 của Toà án nhân dân huyện T về phần ly hôn, ghi nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự, giao cháu Trần M.Q cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định nhận định:

[2] Về hôn nhân: Anh Trần M.Đ và chị Nguyễn Thị T.H tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993, đăng ký kết hôn vào ngày 13/11/2015 tại UBND thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Định, nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

[3] Anh Đ kháng cáo yêu cầu được đoàn tụ, nhưng vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn từ năm 2014 và thực tế vợ chồng có thời gian sống ly thân kéo dài từ đó cho đến nay. Hơn nữa, tháng 11/2015 chị H có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Đ, sau đó chị H đã rút đơn để vợ chồng cùng đoàn tụ chăm sóc con chung, nhưng quá trình chung sống tình cảm vợ chồng không hàn gắn được. Xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng chị H, anh Đ đã kéo dài, cuộc sống chung không hạnh phúc, không còn khả năng hàn gắn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại tòa án cấp sơ thẩm, anh Đ đồng ý ly hôn chị H với điều kiện chị H phải để lại tài sản chị được chia là nhà và đất tại tổ X, TT. P, huyện T cho con trai là Trần N.M.T đồng sở hữu, sử dụng. Yêu cầu của anh Đ không phù hợp với quy định tại Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình 2014, nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện cho chị H được ly hôn với anh Đ là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, HĐXX không chấp nhận kháng cáo của anh Đ yêu cầu được đoàn tụ với chị H.

[4] Về con chung: Anh chị có 02 con chung cháu Trần N.M.T, sinh ngày 29/10/1993 và Trần M.Q, sinh ngày 21/7/2005. Anh Đ kháng cáo yêu cầu được nuôi con chung cháu Trần M.Q sinh ngày 21/7/2005, HĐXX xét thấy: Chị H và anh Đ đều có nguyện vọng nuôi cháu Trần M.Q đến nay đã được 12 tuổi, tuy nhiên việc giao con cho ai nuôi cần xem xét đến quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên, nguyện vọng của con. Cháu Q là con gái, hiện chị H đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và đảm bảo tốt về mọi mặt, nhưng tại phiên tòa phúc thẩm, chị H và anh Đ thống nhất giao cháu Q cho anh Đ nuôi dưỡng, anh Đ không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Tòa án cấp phúc thẩm công nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự về phần nuôi con chung.

[5] Anh Đ kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm vì Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm tố tụng, nhưng tại phiên tòa anh Đ không tiếp tục kháng cáo, HĐXX cấp

phúc thẩm đình chỉ xét xử đối với phần rút kháng cáo được quy định tại Điều 289 Bộ luật tố tụng dân sự.

[6] Việc anh Đ kháng cáo yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng: HĐXX cấp phúc thẩm không có căn cứ để giải quyết vì tại phiên tòa sơ thẩm chị H và anh Đ tự nguyện thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, áp dụng quy định tại điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự về phạm vi xét xử phúc thẩm để không chấp nhận kháng cáo chia tài sản chung của anh Đ. Anh Đ, chị H có quyền khởi kiện vụ án khác yêu cầu giải quyết tài sản chung của vợ chồng.

Từ những căn cứ phân tích trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn anh Trần M.Đ, sửa bản án sơ thẩm.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: Áp dụng Điều 29 nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh Trần M.Đ không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309, điều 300 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các điều 8, 9, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Căn cứ Điều 147, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Sửa bản án sơ thẩm.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T.H được ly hôn với anh Trần M.Đ.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị Nguyễn Thị T.H với anh Trần M.Đ. Giao cháu Trần M.Q cho anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con do anh Đ không yêu cầu.

Chị Nguyễn Thị T.H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con, khi cần thiết cả hai bên đều có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Đình chỉ xét xử phúc thẩm phần kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Về án phí : Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Trần M.Đ không phải chịu, hoàn lại cho anh Đ số tiền 300.000 đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 0003166 ngày 08/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- Các đương sự;
- Cơ quan THADS huyện T;
- TAND huyện T;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Lê Thị Hoài Thanh

Các thẩm phán

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

[7] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, do vụ án thụ lý ngày 12/12/2016, thời điểm này nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội chưa có hiệu lực, Tòa án cấp sơ thẩm buộc chị Hồng phải nộp 300.000đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không đúng với quy định tại Điều 27 pháp lệnh án phí lệ phí số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chị Hồng chỉ phải chịu 200.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.